

Deloitte.

Bản tin Thuế

Tháng 3 năm 2014



Trong số này:

Văn bản mới

Hướng dẫn mới về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại	3
Thông tư mới quy định về điều kiện vay vốn nước ngoài	3

Văn bản hướng dẫn

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)	4
Ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng từ năm 2014	4
Chính sách thuế đối với tài sản là ô tô dưới 9 chỗ ngồi dùng để cho thuê	5
Hướng dẫn về chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp tách doanh nghiệp	6
Không được phân bổ chi phí đầu tư nâng cấp đối với tài sản đi thuê, mượn	6
Hướng dẫn chính sách thuế đối với tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn chuyển thành công cụ, dụng cụ	7
Chính sách thuế đối với khoản chi thù lao Hội đồng quản trị (HDQT)	8
Thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”)	8
Không cần bổ sung hồ sơ về người phụ thuộc khi chuyển công tác	8
Hướng dẫn quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập tại Công ty và các chi nhánh	9
Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”)	10
Hướng dẫn về phương pháp kê khai thuế đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 1/1/2014 đến ngày 28/2/2014	10
Hướng dẫn đăng ký phương pháp kê khai thuế GTGT đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 1/1/2014	10
Rà soát các trường hợp hoàn thuế GTGT đối với chuyển quyền sử dụng đất	11
Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế GTGT hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	11
Doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đối với bất động sản phục vụ sản xuất kinh doanh	12
Không chấp nhận hoàn thuế nếu thanh toán qua tài khoản vãng lai của cá nhân mở tại Việt Nam	12
Chấp nhận hóa đơn GTGT ghi chiết khấu sau phần đã gạch chéo	12
Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc không đối tượng không chịu thuế GTGT	12
Thuế Nhà thầu nước ngoài (“NTNN”)	13
Miễn xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp kê khai thiếu thuế nhà thầu theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ	13
Thuế nhà thầu trong trường hợp bên nước ngoài cử chuyên gia sang làm việc ở Việt Nam và bên Việt Nam bồi hoàn lương	13
Thuế Xuất nhập khẩu (“XNK”)	14
Trả lời một số vướng mắc về hàng hóa xuất nhập khẩu tại Thông tư 128/2013/TT-BTC	14
Hướng dẫn về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng xuất khẩu	14
Các trường hợp bị từ chối phân loại trước	15
Hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ	15
Hướng dẫn về quyền kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16
Không bù trừ số thuế được hoàn với tiền thuế thuộc tờ khai đã làm thủ tục nhưng chưa được thông quan	16
Thuế Bảo vệ môi trường	17
Hướng dẫn về kê khai thuế Bảo vệ môi trường khi nhập khẩu dầu, mỡ nhờn	17
Quản lý Thuế	18
Công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh rủi ro về thuế	18

VĂN BẢN MỚI

Hướng dẫn mới về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại

Ngày 14/2/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 22/2014/TT-BTC (“Thông tư 22”) hướng dẫn về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại. Một số hướng dẫn đáng chú ý tại Thông tư 22 như sau:

- Trước khi tiến hành khai hải quan, người khai hải quan phải đăng ký với cơ quan Hải quan các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Thông tin đăng ký trước có giá trị sử dụng và được lưu giữ trên Hệ thống tối đa là 07 ngày kể từ thời điểm đăng ký trước hoặc thời điểm có sửa chữa cuối cùng.
- Một tờ khai hải quan được khai tối đa 50 dòng hàng. Trường hợp một lô hàng có trên 50 dòng hàng, người khai hải quan phải khai báo trên nhiều tờ khai. Một tờ khai hải quan chỉ khai báo cho một hóa đơn.
- Doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”) phải thông báo danh mục nguyên liệu trước khi nhập khẩu nguyên liệu, thông báo danh mục hàng hóa xuất khẩu trước khi xuất khẩu sản phẩm.
- Đối với hàng đầu tư nhập khẩu để xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị tạo tài sản cố định cho nhà máy sản xuất của DNCX: DNCX phải



đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu như đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế (trừ việc xuất trình, nộp các chứng từ thuộc hồ sơ đăng ký Danh mục miễn thuế); DNCX hoặc nhà thầu (đối với trường hợp nhà thầu thực hiện nhập khẩu) thực hiện báo cáo quyết toán công trình theo quy định

- Đối với hàng hóa đã nhập khẩu của DNCX để thực hiện quyền nhập khẩu, khi bán cho doanh nghiệp nội địa thì DNCX và doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục hải quan. Khi bán cho DNCX khác thì thủ tục hải quan thực hiện như đối với hàng hóa mua bán giữa các DNCX.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 1/4/2014.

Thông tư mới quy định về điều kiện vay vốn nước ngoài

Ngày 31/3/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 12/2014/TT-NHNN (“Thông tư 12”) quy định về điều kiện vay vốn nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh. Theo đó, doanh nghiệp có thể vay vốn nước ngoài để phục vụ cho các mục đích sau:

- Thực hiện phương án sản xuất kinh doanh (“SXKD”), dự án đầu tư của Bên đi vay
- Thực hiện phương án SXKD, dự án đầu tư của doanh nghiệp mà Bên đi vay tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp. Tuy nhiên, trường hợp này chỉ được vay trung và dài hạn, giới hạn mức vay trên tổng kim ngạch vay tối đa không vượt quá tỷ lệ góp vốn của Bên đi vay trong doanh nghiệp.
- Cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của Bên đi vay mà không làm tăng chi phí vay.

Đối với các khoản vay trung và dài hạn, điều kiện vay bao gồm:

- Trường hợp Bên đi vay có dự án đầu tư sử dụng vốn vay nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư thì số dư nợ vay trung, dài hạn (gồm cả dư nợ vay trong nước) của Bên đi vay phục vụ cho dự án đó tối đa không được vượt quá phần chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư và vốn góp ghi nhận tại giấy chứng nhận đầu tư;
- Trường hợp Bên đi vay vay nước ngoài để thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư không được cấp giấy chứng nhận đầu tư thì số dư nợ vay trung, dài hạn (gồm cả dư nợ vay trong nước) của Bên đi vay không được vượt quá tổng nhu cầu vốn vay tại phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Thông tư 12 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2014, bãi bỏ các quy định tại Chương II Thông tư 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng từ năm 2014

Theo Điều 15, Điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN thì *thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sẽ được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo*

Căn cứ vào quy định trên, trường hợp trong năm 2014, Công ty có **mở chi nhánh mới** để thực hiện dự án đầu tư mới trong Khu kinh tế (được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) nếu thỏa mãn các điều kiện nêu trên thì sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN tại Điều 15, Điều 16 của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là hướng dẫn của Tổng cục Thuế tại Công văn số 733/TCT-CS ngày 10/3/2014.

Chính sách thuế đối với tài sản là ô tô dưới 9 chỗ ngồi dùng để cho thuê

Ngày 26/2/2014 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 572/TCT-DNL hướng dẫn chính sách thuế đối với tài sản cố định (“TSCĐ”) dùng để cho thuê như sau:

- Trường hợp Công ty là tổ chức tín dụng được phép cho thuê hoạt động theo quy định của pháp luật thì Công ty được khấu trừ toàn bộ số thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào của TSCĐ cho thuê hoạt động là máy móc, thiết bị ô tô (trừ ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe) nếu đáp ứng các điều kiện về hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng theo quy định.
- Trường hợp TSCĐ cho thuê hoạt động là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe (giá chưa có thuế GTGT) thì bên cho thuê không được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng và không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với phần trích khấu hao TSCĐ tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.

Bên đi thuê hoạt động trả tiền thuê theo hợp đồng và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh số tiền đi thuê theo chế độ quy định.

- Đối với trường hợp Công ty mua tài sản cố định, máy móc, thiết bị trong đó có cả xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống có giá trị **vượt** trên 1,6 tỷ đồng/xe để cho thuê tài chính thì bên đi thuê tài chính phải trích khấu hao tài sản như TSCĐ thuộc sở hữu của mình. Trường hợp nếu bên đi thuê cam kết không mua lại tài sản thuê, bên đi thuê được tính khấu hao theo thời hạn thuê trong hợp đồng. Bên đi thuê tài chính căn cứ vào lĩnh vực kinh doanh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và phần trích khấu hao TSCĐ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.



Hướng dẫn về chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp tách doanh nghiệp

Theo quy định tại Điểm 2.2, Mục I, Phần H, Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về điều kiện, nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì ưu đãi thuế TNDN không áp dụng đối với **“Doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc hợp tác xã mới thành lập mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp mà người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới”**. Theo đó:

- Trường hợp công ty cổ phần đang hoạt động thực hiện tách doanh nghiệp thì không đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập.
- Từ kỳ tính thuế 2009 đến kỳ tính thuế 2011, trường hợp công ty cổ phần đang hoạt động thực hiện **thành lập mới** công ty cổ phần khác thì vẫn có thể được áp dụng ưu đãi thuế nếu vẫn đảm bảo các điều kiện theo quy định.
- Từ kỳ tính thuế 2012 thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 123/2012/TT-BTC. Theo đó, **“Công ty cổ phần ... mà người đại diện theo pháp luật là người có**

số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới” thì không đủ điều kiện áp dụng ưu đãi thuế theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập.

Trên đây là nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế tại Công văn số 471/TCT-CS ngày 18/2/2014.

Không được phân bổ chi phí đầu tư nâng cấp đối với tài sản đi thuê, mượn

Ngày 6/3/2014, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 677/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thuế đối với chi phí đầu tư nâng cấp TSCĐ đi thuê mượn, cụ thể như sau:

- Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định nguyên tắc các khoản chi phí được trừ cho mục đích thu nhập chịu thuế TNDN phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Tại Điều 7 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ về đầu tư nâng cấp, sửa chữa TSCĐ:

1. Các chi phí doanh nghiệp chi ra để đầu tư nâng cấp TSCĐ được phản ánh tăng nguyên giá của TSCĐ đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2. Các chi phí sửa chữa TSCĐ không được tính tăng nguyên giá TSCĐ mà được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nhưng tối đa không quá 3 năm.”

Căn cứ các quy định nêu trên, doanh nghiệp thuê nhà hoặc mượn nhà không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ đối với các chi phí đầu tư nâng cấp TSCĐ hoặc chi phí tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện TSCĐ là nhà đi thuê, đi mượn.

Hướng dẫn chính sách thuế đối với tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn chuyển thành công cụ, dụng cụ

Ngày 5/3/2014, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 661/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thuế đối với tài sản có giá trị dưới 30 triệu đồng không thỏa mãn điều kiện là TSCĐ theo Thông tư 205/2013/TT-BTC như sau:

- Theo khoản 11 Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định: “Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp



đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ **không quá 3 năm** kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này (tức là từ ngày 10/6/2013)”.

- Tại điểm d, khoản 2.2, điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính quy định: “Đối với tài sản là công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, ... không đáp ứng đủ điều kiện xác định là tài sản cố định theo quy định thì chi phí mua tài sản nêu trên được phân bổ dần cho chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa **không quá 2 năm**.”

Căn cứ quy định nêu trên, đối với các TSCĐ của doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá TSCĐ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 45/2013/TT-BTC

ngày 24/5/2013 của Bộ Tài chính thì giá trị còn lại của tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 45/2013/TT-BTC là **ngày 10/6/2013**. Việc xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thì thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2.2, điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính.

Chính sách thuế đối với khoản chi thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Theo quy định tại điểm 2.5d, khoản 2 điều 6 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính quy định: *"2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: d) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (do một cá nhân làm chủ); thù lao trả cho các sáng lập viên, thành viên của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh."*
- Theo chi tiết d, khoản 2, điều 2 Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9/5/2003 (có hiệu lực từ ngày 11/6/2003) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động quy định:

"2. Các trường hợp không áp dụng hợp đồng lao động quy định tại Điều 4 của Bộ luật Lao động được quy định như sau: d) Thành viên Hội đồng quản trị doanh nghiệp;"

- Nghị định 44/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2013) thay thế Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9/5/2003 của Chính phủ không còn điều khoản quy định về các trường hợp không áp dụng hợp đồng lao động.

Căn cứ các quy định nêu trên trường hợp doanh nghiệp có phát sinh khoản thù lao trả cho các thành viên HĐQT nếu thực tế có tham gia điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, có đầy đủ chứng từ theo quy định và phù hợp với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Riêng quy định về Hợp đồng lao động, sẽ căn cứ quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9/5/2003, Nghị định 44/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ để áp dụng cho phù hợp với từng giai đoạn cụ thể.

Trên đây là nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế tại Công văn 750/TCT-CS ngày 11/3/2014.

Thuế Thu nhập cá nhân ("TNCN")

Không cần bổ sung hồ sơ về người phụ thuộc khi chuyển công tác

Ngày 28/2/2014, Tổng cục Thuế tại Công văn 623/TCT-TNCN hướng dẫn về quy trình bổ sung hồ sơ người phụ thuộc được nộp cho cơ quan thuế khi cá nhân chuyển công tác, cụ thể như sau:

- Khi chuyển nơi làm việc, cá nhân nộp cho đơn vị làm việc mới bản chụp (photo) hồ sơ chứng minh người phụ thuộc có xác nhận của đơn vị làm việc trước đó để làm cơ sở tính giảm trừ gia cảnh.
- Cơ quan thuế chỉ nhận bản đăng ký người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh theo mẫu số 16/ĐK-TNCN qua tổ chức chi trả thu nhập (đơn vị làm việc trước đó), hồ sơ chứng minh người phụ thuộc chỉ được lưu giữ tại đơn vị làm việc trước đó, theo đó, cá nhân vẫn được tính giảm trừ cho người phụ thuộc mà không cần bổ sung thêm hồ sơ cho cơ quan thuế.

Hướng dẫn quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập tại Công ty và các chi nhánh

Ngày 11/3/2014 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 749/TCT-TNCN hướng dẫn quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập tại Công ty và các chi nhánh, theo đó:

- Trường hợp Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, các cá nhân ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên với Công ty sau đó Công ty điều động đến các chi nhánh làm việc, các khoản lương

hàng tháng của cá nhân phát sinh tại các chi nhánh do Công ty trả, các chi nhánh chỉ thực hiện việc chi hộ tiền lương cho Công ty và báo cáo về cho Công ty thực hiện kê khai tổng hợp thì Công ty phải có trách nhiệm khấu trừ, kê khai thuế, quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế đối với toàn bộ các khoản thu nhập trả cho các cá nhân làm việc tại Công ty và các chi nhánh.

- Trường hợp cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên với chi nhánh, được chi nhánh trả lương hàng tháng và trích nộp thuế TNCN trên lương hàng tháng của cá nhân phát sinh tại Chi nhánh; các khoản lương bổ sung, khoản thưởng của cá nhân do Công ty trả thì việc kê khai, khấu trừ và quyết toán thuế và ủy quyền quyết toán thuế thực hiện theo quy định hiện hành.

Công văn không nêu rõ việc quyết toán thuế đối với trường hợp nêu trên. Theo quy định hiện hành, chúng tôi hiểu rằng cơ quan chi trả thu nhập sẽ thực hiện khấu trừ số thuế phải nộp trước khi chi trả thu nhập, sau đó cấp biên lai khấu trừ thuế cho cá nhân. Theo đó, trong năm cá nhân có thu nhập từ 02 nguồn (từ Chi nhánh và từ Công ty) sẽ thực hiện quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế vì tổ chức chi trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền công, tiền lương mà cá nhân nhận được từ cơ quan chi trả thu nhập (*theo Điểm đ, Khoản 2, Điều 26, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013*).

Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”)

Hướng dẫn về phương pháp kê khai thuế đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 1/1/2014 đến ngày 28/2/2014

Ngày 26/3/2014, Bộ Tài chính đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 3795/BTC-TCT gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất thực hiện liên quan đến phương pháp kê khai thuế GTGT của các doanh nghiệp mới thành lập. Theo đó:

Đối với các doanh nghiệp thành lập từ ngày 1/1/2014 đến ngày 28/2/2014 đã được cơ quan Thuế quản lý hướng dẫn bằng văn bản, hoặc doanh nghiệp đã có văn bản đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế đối với cơ quan Thuế và được cơ quan Thuế chấp nhận áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, doanh nghiệp đã đặt in, thông báo phát hành và sử dụng hóa đơn GTGT thì các doanh nghiệp này áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. Đồng thời, các cơ quan Thuế có trách nhiệm định kỳ tháng (hoặc quý) thực hiện đôn đốc việc kiểm tra các doanh nghiệp này thực hiện nộp tờ khai thuế đầy đủ; và thực hiện công tác kiểm tra tờ khai thuế tại cơ quan thuế (kiểm tra tại bàn) đối với các tờ khai thuế của các doanh nghiệp này để hướng dẫn, hỗ trợ và yêu cầu doanh nghiệp thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật về thuế.

Đối với các doanh nghiệp thành lập sau thời gian trên, các cục thuế quản lý tại địa phương phải hướng dẫn thực hiện thống nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Hướng dẫn đăng ký phương pháp kê khai thuế GTGT đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 1/1/2014

Ngày 17/3/2014, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 858/TCT-KK về việc tiếp nhận Thông báo áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo mẫu 06/GTGT. Theo đó:

- Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 1/1/2014 thuộc các trường hợp đăng ký tự nguyện theo phương pháp khấu trừ theo hướng dẫn tại điểm b, c khoản 3 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nhưng chưa nộp Thông báo mẫu 06/GTGT để đăng ký phương pháp khấu trừ thuế và chưa thông báo phát hành hóa đơn sử dụng thì đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động phối hợp với Phòng đăng ký kinh doanh trên địa bàn để hướng dẫn đối với doanh nghiệp thực hiện gửi thông báo về việc áp dụng phương pháp tính thuế (theo mẫu số 06/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính) tới cơ quan Thuế quản lý trực tiếp.

- Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 1/1/2014 thuộc các trường hợp đăng ký tự nguyện theo phương pháp khấu trừ theo hướng dẫn tại điểm b, c khoản 3 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nhưng đã mua hóa đơn bán hàng của cơ quan Thuế để sử dụng thì tiếp tục áp dụng phương pháp tính trực tiếp cho năm 2014 và xác định lại phương pháp tính thuế cho năm 2015, 2016 trên cơ sở doanh thu của năm 2014.



Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế GTGT hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Rà soát các trường hợp hoàn thuế GTGT đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Trường hợp bên bán bất động sản đã xuất hóa đơn tính thuế GTGT bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất (không trừ giá đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT), bên mua đã căn cứ hóa đơn GTGT để kê khai khấu trừ thuế, lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT và đã được cơ quan thuế quản lý trực tiếp giải quyết hoàn thuế; nhưng nếu bên bán chỉ kê khai mà chưa nộp thuế GTGT vào Ngân sách Nhà nước (“NSNN”) đối với hóa đơn xuất cho bên mua, thì không chấp nhận cho bên mua được hoàn thuế và truy hoàn thuế GTGT tương ứng.

Trên đây là chỉ đạo từ Tổng cục Thuế gửi đến Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Công văn số 540/TCT-CS ngày 24/2/2014, về việc tiến hành rà soát các trường hợp hoàn thuế GTGT đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 11/3/2014, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 754/TCT-CS hướng dẫn việc kê khai thuế GTGT đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Cụ thể, đối với trường hợp doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ doanh nghiệp khác theo giá đất đã hoàn thiện đầy đủ cơ sở hạ tầng, và sau đó chuyển nhượng lại cơ sở hạ tầng kèm theo quyền sử dụng đất của một số lô đất thuộc khu đất trên cho khách hàng theo hợp đồng chuyển nhượng bất động sản được ký trước ngày 1/3/2012, và khách hàng đã thanh toán 80% đến 90% giá trị chuyển nhượng, tính tới thời điểm 28/2/2012, thì hoạt động này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Giá tính thuế GTGT được thực hiện thống nhất theo hướng dẫn tại công văn 10383/BTC-TCT ngày 22/7/2009 của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế GTGT vãng lai tại cơ quan Thuế quản lý đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh theo quy định.

Doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đối với bất động sản phục vụ sản xuất kinh doanh

Nếu doanh nghiệp nhận chuyển nhượng bất động sản từ doanh nghiệp khác không nhằm mục đích mua đi bán lại mà để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của số thuế GTGT phát sinh do chênh lệch giữa giá đất chuyển nhượng với giá đất được trừ không chịu thuế GTGT nếu có hóa đơn hợp pháp, đáp ứng đầy đủ các điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định hiện hành.

Trên đây là nội dung Công văn số 893/TCT-CS do Tổng cục Thuế ban hành ngày 18/3/2014.

Không chấp nhận hoàn thuế nếu thanh toán qua tài khoản vãng lai của cá nhân mở tại Việt Nam

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu cho người mua phía nước ngoài là cá nhân kinh doanh và việc thanh toán thông qua tài khoản vãng lai của cá nhân kinh doanh nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam thì không đáp ứng điều kiện thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu.

Trên đây là nội dung Công văn số 803/TCT-CS do Tổng cục Thuế ban hành ngày 13/3/2014.

Chấp nhận hóa đơn GTGT ghi chiết khấu sau phần đã gạch chéo

Ngày 10/3/2014, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 712/TCT-CS hướng dẫn xử lý hóa đơn đã lập có dòng chiết khấu sau phần gạch chéo. Theo đó, nếu các hóa đơn GTGT đã lập vẫn đảm bảo phản ánh đúng doanh thu, số tiền thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán và doanh nghiệp đã kịp thời khắc phục hệ thống để điều chỉnh lại mẫu hóa đơn (dòng chiết khấu giảm giá hàng bán đã được điều chỉnh lên trên phần còn trống) thì vẫn chấp nhận các hóa đơn GTGT nêu trên là hợp lý, hợp lệ.

Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT

Trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng chuyển nhượng sử dụng nhãn hiệu cho đối tác hoạt động chuyển quyền sử dụng trí tuệ (không phải là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ) nên không thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 của Bộ Tài chính. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% theo quy định tại khoản 15 Điều 10 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 của Bộ Tài chính.

Trên đây là nội dung hướng dẫn tại Công văn số 631/TCT-CS của Tổng cục Thuế ban hành ngày 3/3/2014.

Thuế Nhà thầu nước ngoài (“NTNN”)

Miễn xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp kê khai thiếu thuế nhà thầu theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ

Ngày 10/1/2014, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 448/BTC-TCT gửi Cục thuế các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với các trường hợp chưa kê khai, nộp thuế nhà thầu theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ như sau:

Trường hợp người nộp thuế chưa kê khai, nộp thuế nhà thầu thay cho Công ty ở nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng ký giữa bên nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam trước ngày Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành (tức là trước ngày 28/5/2012) thì xác định đây là nguyên nhân khách quan do hướng dẫn chưa cụ thể tại các văn bản của Bộ Tài chính trước khi ban hành Thông tư số 60/2012/TT-BTC. Trường hợp này, cơ quan Thuế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là truy thu đủ số tiền thuế thiếu theo quy định và không xử phạt vi phạm pháp luật về thuế nếu:

- Người nộp thuế tự kê khai, điều chỉnh lại và nộp vào NSNN số tiền thuế thiếu trước khi cơ quan Thuế

công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, hoặc

- Đến thời điểm ban hành công văn này mà cơ quan Thuế đã có Biên bản kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc có biên bản làm việc với người nộp thuế để xác định lại nghĩa vụ thuế và người nộp thuế đã nộp vào NSNN số tiền thuế thiếu trước thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo của cơ quan Thuế.

Người nộp thuế vẫn sẽ bị xử phạt chậm nộp tiền thuế nếu không thực hiện theo thông báo của cơ quan Thuế. Thời điểm tính phạt chậm nộp tiền thuế được tính từ ngày hết hạn nộp thuế ghi trong thông báo nộp thuế của cơ quan Thuế.

Thuế nhà thầu trong trường hợp bên nước ngoài cử chuyên gia sang làm việc ở Việt Nam và bên Việt Nam bồi hoàn lương

Ngày 24/3/2014, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 953/TCT-CS hướng dẫn về chính sách thuế nhà thầu đối với trường hợp công ty nước ngoài cử chuyên gia sang làm việc tại Việt Nam và Bên Việt Nam phải hoàn trả khoản "bồi hoàn phí" bao gồm lương, bảo hiểm... cho chuyên gia nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam. Theo đó, Công văn 953 đã dẫn chiếu đến Công văn số 3221/BTC-TCT ngày 12/3/2012 với hướng dẫn cụ thể như sau:

- Trường hợp Công ty Việt Nam có ký hợp đồng “Thỏa thuận biệt phái nhân viên” với các chủ đầu tư nước ngoài, nếu chủ đầu tư **chi trả hộ tiền lương** và các khoản phụ cấp khác mà không ràng buộc nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến dịch vụ quản lý thì khoản chi trả của Công ty Việt Nam cho chủ đầu tư không thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu.
- Trường hợp “Thỏa thuận biệt phái nhân viên” có nội dung dịch vụ là dịch vụ quản lý thì thu nhập của chủ đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu.

Thuế Xuất nhập khẩu (“XNK”)

Trả lời một số vướng mắc về hàng hóa xuất nhập khẩu tại Thông tư 128/2013/TT-BTC

Ngày 24/3/2014, Tổng cục Hải quan ban hành công văn số 2956/TCHQ-TXNK giải đáp một số vướng mắc về việc áp dụng Thông tư 128/2013/TT-BTC, theo đó, Tổng Cục Hải quan hướng dẫn:

- Việc kiểm tra điều kiện “không bị cơ quan quản lý nhà nước xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kế toán” để được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày đối với hàng sản xuất xuất khẩu sẽ theo nguyên tắc tự khai tự chịu trách nhiệm. **Doanh nghiệp phải cam kết** chịu trách nhiệm trước pháp luật về tuân thủ pháp luật,

trong đó phải cam kết về việc không bị xử phạt trong lĩnh vực kế toán. Trên cơ sở khai báo, cam kết của doanh nghiệp, **cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra theo quy định về quản lý rủi ro**, trường hợp phát hiện cam kết của doanh nghiệp không đúng thì xử phạt theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp không xác định được thời điểm tính thuế và/hoặc các căn cứ tính thuế cho hàng hóa cùng loại chuyển đổi mục đích sử dụng thuộc nhiều tờ khai hải quan khác nhau, thì số tiền ấn định là số tiền thuế **trung bình** tính theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Hướng dẫn về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng xuất khẩu

Theo Công văn số 1767/BTC-TCHQ ngày 11/02/2014 của Bộ Tài chính gửi Cục Hải quan các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, nhằm *tăng cường quản lý chống vi phạm lợi dụng hải quan điện tử*, Bộ Tài chính hướng dẫn về việc khai và nộp tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu như sau:

- Người khai hải quan khai và nộp tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu sau khi tập kết hàng hóa xuất khẩu tại các địa điểm theo quy định và thông báo thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải cho cơ quan Hải quan. Địa điểm tập kết hàng hóa gồm: Khu vực cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không quốc tế; ICD, Kho ngoại quan, Kho CFS;

Địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung, địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu tại biên giới; Kho, bãi tập kết hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp được cơ quan Hải quan công nhận đủ điều kiện giám sát hải quan.

- Địa điểm tập kết hàng hóa phải được khai báo tại ô 29 (ghi chép khác) trên tờ khai hải quan xuất khẩu.

Quy định này áp dụng đối với các tờ khai phát sinh từ ngày 1/4/2014.

Các trường hợp bị từ chối phân loại trước

Theo Công văn số 1054/TCHQ-TXNK ngày 27/1/2014, nhằm thực hiện đúng quy định về phân loại trước tại Thông tư 128/2013/TT-BTC Tổng cục Hải quan sẽ không tiếp nhận yêu cầu phân loại trước trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu phân tích không đúng đối tượng bao gồm hàng hóa không phải dùng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định đặc tính, thành phần của mẫu; hàng hóa thuộc Danh mục các mặt hàng chưa tiếp nhận yêu cầu phân tích ban hành theo công văn 7486/TCHQ-PTPL ngày 6/12/2013;
- Yêu cầu phân tích không ghi rõ, đủ nội dung, tiêu chí phục vụ phân loại;
- Hồ sơ đề nghị xác định trước mã số của tổ chức, cá nhân không

đầy đủ hoặc không kèm theo văn bản đề xuất mã số của mặt hàng đề nghị xác định trước mã số, lý do, cơ sở đề xuất;

- Hồ sơ đề nghị xác định trước mã số của tổ chức, cá nhân dưới 90 ngày trước khi có hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu.

Hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ

Ngày 27/2/2014, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 1972/TCHQ-TXNK hướng dẫn cụ thể hơn về thủ tục hải quan và chính sách thuế đối với trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ, cụ thể như sau:

1. Về thủ tục hải quan

Điều kiện để được áp dụng thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa phải có hai hợp đồng riêng biệt bao gồm:

- Hợp đồng xuất khẩu có điều khoản ghi rõ hàng hóa được giao cho người nhận hàng tại Việt Nam.
- Hợp đồng nhập khẩu có điều khoản ghi rõ hàng hóa được nhận từ người giao hàng tại Việt Nam.

2. Về chính sách thuế

a. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 100 Thông tư 128/2013/TT-BTC thì hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư được

miễn thuế nhập khẩu. Trường hợp dự án ưu đãi đầu tư nhập khẩu linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng giá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với máy móc, thiết bị được miễn thuế nhập khẩu của dự án ưu đãi đầu tư, thì cũng được miễn thuế nhập khẩu nếu đáp ứng một trong hai điều kiện:

- Là linh kiện, chi tiết, bộ phận của thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải được nhập khẩu ở dạng rời;
- Là linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng giá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện nhập khẩu để lắp ráp, kết nối các máy móc, thiết bị lại với nhau để đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị được vận hành bình thường.

Trường hợp dự án của Công ty là dự án ưu đãi đầu tư đã đăng ký Danh mục hàng hóa miễn thuế theo quy định thì khi chủ dự án hoặc các nhà thầu nhập khẩu **hàng hóa cho dự án theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ cũng được miễn thuế** nếu hàng hóa nằm trong danh mục miễn thuế đã đăng ký.

b. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

- Với hoạt động xuất khẩu tại chỗ: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính thì hàng hóa xuất khẩu tại chỗ nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này có mức thuế suất thuế GTGT là 0%.
- Với hoạt động nhập khẩu tại chỗ: Căn cứ quy định tại Điều 11 thuế suất thuế GTGT là 10%.

Hướng dẫn về quyền kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Theo quy định tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 4/4/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, linh kiện, chi tiết, cụm chi tiết và các hàng hóa khác để triển khai hoạt động đầu tư phù hợp với mục tiêu của dự án đầu tư quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. Do vậy, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để phục vụ cho hoạt động sản xuất của chính mình như quy định nêu trên thì không yêu cầu phải thực hiện các quy định liên quan đến quyền nhập khẩu quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/2/2007 của Chính phủ.

Trên đây là hướng dẫn tại Công văn số 269/GSQL-GQ2 ngày 7/3/2014 của Tổng cục Hải quan.

Không bù trừ số thuế được hoàn với tiền thuế thuộc tờ khai đã làm thủ tục nhưng chưa được thông quan

Ngày 18/3/2014, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 2717/TCHQ-TXNK gửi Cục Hải quan các tỉnh, thành phố về vấn đề bù trừ tiền thuế. Cụ thể, kể từ ngày 1/7/2013 việc bù trừ số tiền thuế người nộp thuế được hoàn với các khoản thuế

người nộp thuế đang còn nợ cơ quan Hải quan được thực hiện theo thứ tự như sau: Tiền thuế, tiền chậm nộp quá hạn thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế (nợ quá hạn 90 ngày); Tiền thuế, tiền chậm nộp quá hạn chưa thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế (nợ quá hạn chưa quá 90 ngày). Theo đó, cơ quan Hải quan không thực hiện bù trừ số thuế người nộp thuế được hoàn với khoản nợ thuế thuộc trường hợp người nộp thuế phải nộp thuế ngay (trên hệ thống theo dõi nợ thuế ký hiệu là NTN), để tránh bù trừ nhầm với tờ khai doanh nghiệp đã làm thủ tục nhưng chưa được thông quan hoặc giải phóng hàng do chưa nộp thuế.

Thuế Bảo vệ môi trường

Hướng dẫn về kê khai thuế Bảo vệ môi trường khi nhập khẩu dầu, mỡ nhờn

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 về thuế Bảo vệ môi trường và Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 sửa đổi Thông tư 152 thì:

- Các công ty kinh doanh xăng dầu đầu mối trực tiếp nhập khẩu, sản xuất, chế biến xăng dầu (gọi chung là các đơn vị đầu mối) thực hiện kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi các đơn vị đầu mối đóng trụ sở chính;
- Trường hợp xăng, dầu, mỡ nhờn nhập khẩu về sử dụng cho mục

đích khác không phải để bán; dầu nhờn, mỡ nhờn được đóng gói riêng khi nhập khẩu kèm với vật tư, phụ tùng cho máy bay hoặc kèm với máy móc, thiết bị thì người nộp thuế kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường với cơ quan Hải quan;

Theo đó, trường hợp nếu Công ty trực tiếp nhập khẩu dầu gốc và các loại mỡ nhờn để sản xuất kinh doanh trong nước thì Công ty có trách nhiệm thực hiện kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường với cơ quan thuế địa phương nơi Công ty kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và không phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường ngay từ khâu nhập khẩu với cơ quan Hải quan

Trên đây là hướng dẫn tại Công văn số 605/TCT-KK ngày 27/2/2014 của Tổng cục Thuế.



Quản lý thuế

Công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh rủi ro về thuế

Ngày 13/3/2014 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 815/TCT-KK gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc công khai thông tin của tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế, bao gồm:

- Trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, mua bán hóa đơn bất hợp pháp, làm mất hóa đơn, vi phạm pháp luật về thuế rồi bỏ trốn khỏi trụ sở kinh doanh, tiếp tay cho hành vi trốn thuế, không nộp tiền thuế đúng thời hạn sau khi cơ quan quản lý thuế đã áp dụng các biện pháp xử phạt, cưỡng chế thu nợ thuế.
- Không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật, như: Từ chối không cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan quản lý thuế; không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra và các yêu cầu khác của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp nhưng không kê khai thuế theo quy định: Chậm nộp hồ sơ khai thuế từ trên 90 ngày tính kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh; Nghỉ kinh doanh quá thời hạn đã thông báo tạm nghỉ kinh doanh với cơ quan thuế; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh và không xác định được tung tích.

Việc công khai thông tin được thực hiện trên trang điện tử của Tổng cục Thuế. Khi các tổ chức, cá nhân kinh doanh không còn vi phạm các nội dung phải công khai thông tin thì sẽ được đưa ra ngoài danh sách các trường hợp vi phạm về thuế.



Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách
dịch vụ Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
tmcclelland@deloitte.com

Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 4 6268 3568
tbui@deloitte.com

Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 4 6268 3568
mbui@deloitte.com

Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc
Tư vấn Thuế
Tel: +84 8 3910 0751
hoangphan@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com



Giới thiệu về Deloitte

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn và giải pháp tài chính doanh nghiệp cho các khách hàng tư nhân hoặc các công ty công hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Với mạng lưới các hãng thành viên kết nối toàn cầu tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, Deloitte mang đến năng lực đẳng cấp toàn cầu và các dịch vụ chất lượng vượt trội, cung cấp tới các khách hàng những hiểu biết cần thiết để giải quyết những vấn đề kinh doanh phức tạp nhất. Deloitte có khoảng hơn 200.000 chuyên gia tư vấn cam kết cung cấp các giải pháp tối ưu đến khách hàng.

Giới thiệu về Deloitte Đông Nam Á

Deloitte Đông Nam Á là một hãng thành viên của Deloitte hoạt động tại Brunei, Guam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam được thành lập để cung cấp những dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu cụ thể của các công ty, tập đoàn lớn có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực.

Với hơn 250 Partners và 6.000 nhân viên chuyên nghiệp làm việc tại 23 văn phòng, các chuyên gia của Deloitte Đông Nam Á kết hợp kỹ thuật chuyên môn sâu rộng cùng sự am hiểu về nhiều lĩnh vực để cung cấp các dịch vụ chất lượng cao và nhất quán trong toàn khu vực.

Tất cả các dịch vụ chuyên nghiệp được cung cấp thông qua mạng lưới các văn phòng, chi nhánh của hãng Deloitte Đông Nam Á hoạt động một cách độc lập về mặt pháp lý.

Giới thiệu về Deloitte Việt Nam

Deloitte Việt Nam là Công ty Tư vấn và Kiểm toán đầu tiên tại Việt Nam được thành lập cách đây hơn 20 năm và là một phần của mạng lưới Deloitte toàn cầu, một trong những hãng cung cấp dịch vụ chuyên ngành lớn nhất trên thế giới. Với hơn 700 nhân viên làm việc tại văn phòng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận với toàn bộ thế mạnh của Deloitte Đông Nam Á với các hãng thành viên tại Brunei, Guam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan, thông qua mạng lưới rộng lớn này, Deloitte Việt Nam cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng tới khách hàng bao gồm Dịch vụ tư vấn Thuế, Tư vấn Tài chính, Tư vấn Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp, Tư vấn Quản trị Kinh doanh và các vấn đề quốc gia, Kiểm toán, và các Dịch vụ Đào tạo chuyên ngành.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, và không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Mạng lưới các công ty Deloitte”) được xem là, trong phạm vi của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những tư vấn về chuyên môn. Không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.